PHÒNG GD & ĐT HUYỆN GIA LÂM

**TRƯỜNG THCS NINH HIỆP**

**MA TRẬN ĐỀ THI THAM KHẢO VÀO LỚP 10 THPT**

**NĂM HỌC 2020- 2021**

**MÔN : VẬT LÍ**

1. **Phạm vi kiến thức:** Từ tiết thứ 1 đến tiết thứ 66 theo PPCT
2. **Mục đích:**

- Đối với học sinh: Đánh giá kết quả học tập, rút ra ưu nhược điểm để tiếp tục cố gắng.

- Đối với giáo viên: Thông qua kiểm tra đánh giá học sinh mà nắm được mức độ tiếp thu kiến thức của các em, từ đó có biện pháp điều chỉnh trong giảng dạy để khắc phục những yếu kém của các em cũng như nâng cao chất lượng dạy học.

**3. Thiết lập ma trận đề kiểm tra :**

**a) *Tổng số điểm toàn bài:***10 điểm.

**b) *Tính trọng số điểm cho từng mạch nội dung:***

- Chương I: Điện học 16 tiết = 16/50 = 32%

- Chương II: Điện từ học 16 tiết = 16/50 = 32%

- Chương III: Quang học 16 tiết = 16/50 = 32%

- Chương IV: Bảo toàn và chuyển hóa năng lượng 2 tiết = 2/50 = 4%.

**c) *Tính toán số điểm với từng mạch nội dung:3,25 – 3 – 3,35 – 0,5.***

**d) *Trọng số điểm và tính số điểm cho từng cấp độ nhận thức.***

Nhận biết – Thông hiểu – Vận dụng – Vận dụng cao:**5 – 2.5 – 1.5 – 1.**

**e) *Ma trận đề***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** | **Tổng** |
| **Chương I: Điện học** | **6 câu**  **1.25 điểm** | **4 câu**  **1 điểm** | **2 câu**  **0.5 điểm** | **1 câu**  **0.25 điểm** | **13 câu**  **3,25 điểm** |
| **Chương II: Điện từ học** | **7 câu**  **1.75 điểm** | **2 câu**  **0.5 điểm** | **2 câu**  **0.5 điểm** | **1 câu**  **0.25 điểm** | **12 câu**  **3 điểm** |
| **Chương III: Quang học** | **5 câu**  **1.25 điểm** | **4 câu**  **1 điểm** | **2 câu**  **0.5 điểm** | **2 câu**  **0.5 điểm** | **13 câu**  **3.25 điểm** |
| **Chương IV: Bảo toàn và chuyển hóa năng lượng** | **2 câu**  **0.5 điểm** |  |  |  |  |
| **Tổng số câu**  **Tổng số điểm**  **Tỉ lệ** | **20 câu**  **5 đ**  **50%** | **10 câu**  **2.5đ**  **25%** | **6 câu**  **1.5đ**  **15%** | **4 câu**  **1 đ**  **10 %** | **40 câu**  **10 đ**  **100%** |

|  |  |
| --- | --- |
| **NGƯỜI RA ĐỀ** | **NHÓM TRƯỞNG DUYỆT** |

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD &ĐT HUYỆN GIA LÂM  **TRƯỜNG THCS NINH HIỆP** | **KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT**  **NĂM HỌC 2020 – 2021**  **Môn thi : VẬT LÍ**  *Thời gian làm bài : 60 phút ( không kể thời gian phát đề)* |

**ĐỀ THI THAM KHẢO**

**Mã đề thi 001**

*( Đề thi có 04 trang)*

Họ tên thí sinh : …………………………………. Số báo danh : ……………………

**Câu 1:** Đặt vào hai đầu dây dẫn có điện trở R một hiệu điện thế U thì cường độ dòng điện trong mạch được tính bằng công thức

**A.** **B.** **C.** **D.**

**Câu 2:**Khi hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn giảm thì cường độ dòng điện chạy qua dây dẫn sẽ

**A.** giảm tỉ lệ với hiệu điện thế. **B.** tăng tỉ lệ với hiệu điện thế.

**C.** không thay đổi. **D.** lúc đầu tăng, sau đó lại giảm.

**Câu 3**: Với mạch điện nối tiếp có 3 điện trở, công thức nào dưới đây là đúng?

**A.**Rtd = R1. **B.**Rtd = R1+ R2.

**C.**Rtd = R1+ R3. **D.** Rtd = R1+ R2 + R3.

**Câu 4:**Biến trở là một thiết bị có thể điều chỉnh

**A.** chiều dòng điện trong mạch. **B.** cường độ dòng điện trong mạch.

**C.** đường kính dây dẫn của biến trở. **D.** tiết diện dây dẫn của biến trở.

**Câu 5:** Hệ thức của định luật Jun-Lenxơ là

**A.** Q = I².R.t **B.** Q = I.R².t **C.** Q = I.R.t **D.** Q = I².R².t

**Câu 6:** Trong đoạn mạch song song,

**A.** điện trở tương đương nhỏ hơn mỗi điện trở thành phần.

**B.** điện trở tương đương bằng tích các điện trở thành phần.

**C.** điện trở tương đương lớn hơn mỗi điện trở thành phần.

**D.** điện trở tương đương bằng tổng các điện trở thành phần.

**Câu 7:** Mạch điện kín gồm hai bóng đèn được mắc nối tiếp, khi một trong hai bóng đèn bị hỏng thì bóng đèn còn lại sẽ

**A.** sáng hơn. **B.** vẫn sáng như cũ.

**C.** không hoạt động. **D.** tối hơn.

**Câu 8:**Để xác định sự phụ thuộc của điện trở vào tiết diện dây dẫn, bốn học sinh có nhận xét như sau, hỏi nhận xét nào đúng?

**A.** Tiết diện dây dẫn càng lớn thì điện trở càng lớn.

**B.** Tiết diện dây dẫn càng lớn thì điện trở càng bé.

**C.** Tiết diện dây dẫn là đại lượng tỉ lệ thuận với điện trở của dây.

**D.** Tiết diện dây dẫn không có ảnh hưởng gì đến điện trở của dây.

**Câu 9:** Hai điện trở R1 và R2 mắc song song vào hiệu điện thế U. Công suất tiêu thụ của đoạn mạch song song này được tính theo công thức nào sau đây?

**A.** P = . **B.** P = . **C.** P = . **D.** P = .

**Câu 10:** Dụng cụ, thiết bị điện hoạt động dựa trên hiệu ứng Jun-Lenxơ là

**A.** chuông điện. **B.**bếp điện. **C.** quạt điện. **D.** đèn LED.

**Câu 11:**Hai dây Nikelin, dài bằng nhau, dây 1 có đường kính tiết diện bằng nửa dây 2. Kết luận nào sau đây là đúng?

**A.** R1 = ½ R2  **B.** R1 = R2 **C.** R1 = 2R2 **D.** R1 = 4R2

**Câu 12:** Trong một đoạn mạch nối tiếp gồm hai điện trở R1 và R2 (với R1>R2) Gọi U1 và U2 là hiệu điện thế ở hai đầu các điện trở R1 và R2. Gọi I1 và I2 là cường độ dòng điện qua R1 và R2. Công thức nào sau đây đúng?

**A.** U1> U2**.  B.**U1< U2**C.** I1> I2 **D.** I1< I2

**Câu 13:** Hai điện trở R1 = 30Ω và R2 = 20Ω mắc song song vào hiệu điện thế U = 12V. Công suất tiêu thụ của mỗi điện trở sẽ có giá trị nào sau đây?

**A.** P1 = 4,8W ; P2 = 7,2W. **B.** P1 = 360W ; P2 = 240W.

**C.** P1 = 7,2W ; P2 = 4,8W. **D.** P1 = 240W ; P2 = 360W.

**Câu 14:** Nơi nào sau đây không có từ trường?

**A.**Xung quanh nam châm hình chữ U. **B.**Xung quanh thanh sắt

**C.**Xung quanh dây kim loại có dòng điện **D.**Xung quanh Trái Đất.

**Câu 15:** Trong khoảng giữa hai từ cực nam châm hình chữ U thì từ phổ là

**A.** những đường thẳng nối giữa hai từ cực.

**B.** những đường cong nối giữa hai từ cực.

**C.** những đường tròn bao quanh hai từ cực.

**D.** những đường thẳng gần như song song.

**Câu 16:**Khi sử dụng qui tắc nắm tay phải, ta phải đặt bàn tay sao cho chiều của dòng điện trong các vòng dây theo chiều

**A.** từ cổ đến ngón tay. **B.** của 4 ngón tay.

**C.** xuyên vào lòng bàn tay. **D.** của ngón tay cái.

**Câu 17:** Nếu dây dẫn có phương vuông góc với đường sức từ thì

**A.** lực điện từ có giá trị cực đại so với các phương khác.

**B.** lực điện từ có giá trị bằng 0.

**C.** lực điện từ có giá trị phụ thuộc vào chiều của dòng điện trong dây dẫn.

**D.** lực điện từ có giá trị không phụ thuộc vào độ lớn của dòng điện trong dây dẫn.

**Câu 18:** Áp dụng qui tắc bàn tay trái để xác định chiều dòng điện trong dây dẫn như hình vẽ có chiều

**A.** từ phải sang trái.

**B.** từ trái sang phải.

**C.** từ trước ra sau mặt phẳng hình vẽ.

**D.** từ sau đến trước mặt phẳng hình vẽ

**Câu 19**: Khi một thanh nam châm thẳng bị gãy thành hai nửa. Nhận định nào dưới đây là đúng?

**A.** Mỗi nửa tạo thành nam châm mới chỉ có một từ cực ở một đầu

**B.** Hai nữa đều mất hết từ tính.

**C.** Mỗi nửa thành một nam châm mới có hai cực cùng tên ở hai đầu.

**D.** Mỗi nửa thành một nam châm mới có hai cực từ khác tên ở hai đầu.

**Câu 20:** Dòng điện cảm ứng trong cuộn dây dẫn kín đổi chiều khi số đường sức từ xuyên qua tiết diện S của cuộn dây

**A.**đang tăng mà chuyển sang giảm và ngược lại.

**B.** giảm dần theo thời gian

**C.** tăng hoặc giảm đều đặn theo thời gian.

**D.** tăng dần theo thời gian.

**Câu 21:** Bốn vòng dây dẫn tròn giống nhau, đặt trước Bốn nam châm giống hệt nhau ( như hình vẽ) trường hợp nào đường sức từ của nam châm xuyên qua vòng dây ít nhất.

S N

Hình A

S N

Hình B

S N

Hình C

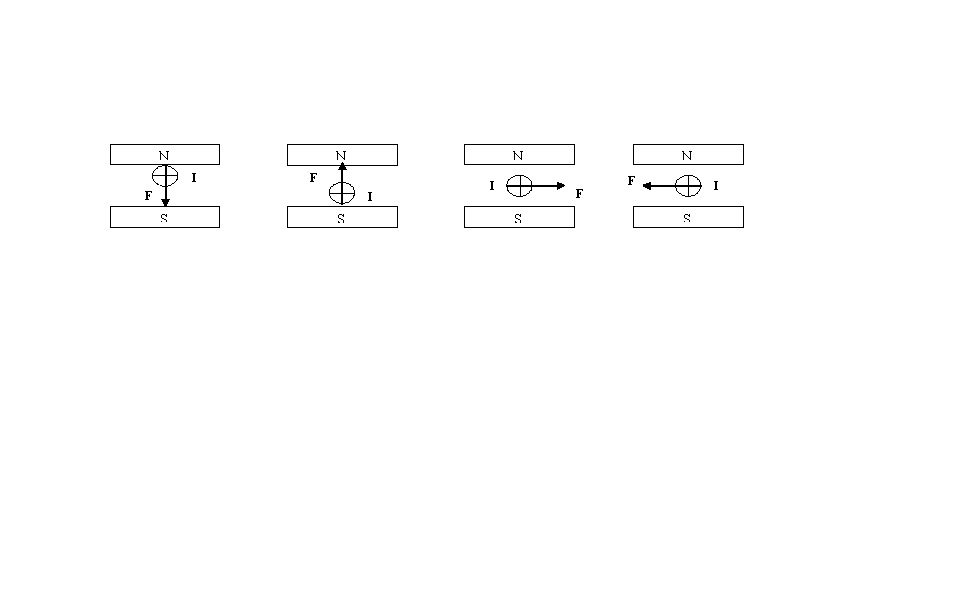
S N

Hình D

**A.** trường hợp hình A **B.**trường hợp hình B

**C.** trường hợp hình C **D.** trường hợp hình D

**Câu 22:** Mũi tên trong hình nào dưới đây biểu diễn đúng chiều của lực điện từ F tác dụng vào đoạn dây dẫn này?



( hình 1)( hình 2)( hình 3) ( hình 4)

**A.** hình 1.

**B.** hình 2.

**C.** hình 3.

**D.**hình 4.

**Câu 23:**Khi truyền tải một công suất điện P bằng một dây có điện trở R và đặt vào hai đầu đường dây một hiệu điện thế U, công thức xác định công suất hao phí P hp do tỏa nhiệt là

**A.** P hp =  **B.** P hp =  **C.** P hp =  **D.** P hp = 

**Câu 24:**Cuộn sơ cấp của một máy biến thế có 4400 vòng và cuộn thứ cấp có 240 vòng. Nếu hiệu điện thế giữa hai đầu cuộn sơ cấp là 220V, thì hiệu điện thế giữa hai đầu cuộn thứ cấp là

**A.** 50V. **B.** 120V. **C.** 12V.  **D.** 60V.

**Câu 25:** Trên cùng một đường dây tải điện, nếu tăng hiệu điện thế ở hai đầu dây dẫn lên 100 lần thì công suất hao phí do tỏa nhiệt trên đường dây sẽ

**A.** tăng 102 lần. **B.** giảm 102 lần.

**C.** tăng 104 lần. **D.**giảm 104 lần.

**Câu 26:** Pháp tuyến là đường thẳng

**A.** tạo với tia tới một góc vuông tại điểm tới.

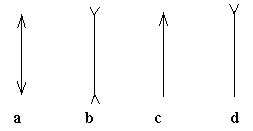
**B.** tạo với mặt phân cách giữa hai môi trường một góc vuông tại điểm tới.

**C.** tạo với mặt phân cách giữa hai môi trường một góc nhọn tại điểm tới.

**D.** song song với mặt phân cách giữa hai môi trường.

**Câu 27:** Ký hiệu của thấu kính hội tụ là

**A.** hình a. **B.** hình b. **C.** hình c. **D.** hình d.



**Câu 28:** Vật kính của máy ảnh là một

**A.** Gương câu **B.** Thấu kính hội tụ

**C.** Thấu kính phân kì **D.** Gương phẳng.

**Câu 29:** Để khắc phục tật cận thị, ta cần đeo loại kính có tính chất như

**A.** kính phân kì. **B.** kính hội tụ.

**C.** kính lão. **D.** kính râm (kính mát).

**Câu 30:** Nguồn sáng nào sau đây **không** phát ra ánh sáng trắng?

**A.** Hồ quang điện (hàn điện). **B.** Đèn xe gắn máy.

**C.** Nguồn phát tia laze. **D.** Đèn điện dây tóc.

**Câu 31:** Một kính lúp có tiêu cự f (đo bằng cm). Số bội giác của kính lúp được tính bằng công thức

**A.** **B.** **C.** **D.**

**Câu 32:** Đặt vật sáng AB trước một thấu kính hội tụ. Thấu kính cho ảnh A’B’ là ảnh ảo. Điều nào sau đây là đúng?

**A.** A’B’ > AB.

**B.** A’B’ và AB nằm ở hai phía của thấu kính.

**C.**A’B’ < AB.

**D.** có thể dùng màn ảnh để hứng ảnh A’B’.

**Câu 33:** Một thấu kính phân kì có tiêu cự 25cm. Khoảng cách giữa hai tiêu điểm F và F’ là

**A.** 12,5cm. **B.** 25cm. **C.** 37,5cm. **D.** 50cm.

**Câu 34:** Người ta có thể phân tích ánh sáng trắng bằng cách

**A.** cho chùm sáng trắng phản xạ trên mặt ghi của đĩa CD.

**B.** cho chùm sáng trắng phản xạ trên bề mặt của gương phẳng.

**C.** cho chùm sáng trắng phản xạ trên bề mặt của gương cầu.

**D.** cho chùm sáng trắng phản xạ trên bề mặt của thấu kính.

**Câu 35:** Chọn câu phát biểu đúng

**A.** Chiếu ánh sáng trắng qua tấm lọc màu ta sẽ được ánh sáng có màu của tấm lọc.

**B.** Chiếu ánh sáng trắng qua tấm lọc màu ta sẽ được ánh sáng có màu trắng hơn.

**C.** Chiếu ánh sáng trắng qua bất cứ tấm lọc màu nào ta cũng được ánh sáng có màu đỏ.

**D.** Chiếu ánh sáng màu qua tấm lọc màu ta sẽ được ánh sáng có màu trắng.

**Câu 36:**Tia tới song song trục chính một thấu kính phân kì, cho tia ló có đường kéo dài cắt trục chính tại một điểm cách quang tâm O của thấu kính 15cm. Tiêu cự của thấu kính này là

**A.** 30cm **B.** 25cm **C.** 15cm **D.** 20cm

**Câu 37:**Ảnh ảo của một vật tạo bởi thấu kính phân kỳ và thấu kính hội tụ giống nhau ở chỗ

**A.** chúng nhỏ hơn vật **B.** chúng ngược chiều với vật

**C.** chúng lớn hơn vật **D.** chúng cùng chiều với vật

**Câu 38:** Khi nói về mắt, câu phát biểu nào sau đây là **sai**?

**A.** Màng lưới của mắt có vai trò như phim trong máy ảnh.

**B.** Thể thủy tinh là một thấu kính phân kì có thể dễ dàng thay đổi tiêu cự.

**C.** Ảnh của vật trên màng lưới là là ảnh thật, ngược chiều với vật.

**D.** Thể thủy tinh của mắt và vật kính của máy ảnh có chức năng tương đương.

**Câu 39:** Trường hợp nào dưới đây, vật có cơ năng, nếu lấy mặt đất làm mốc.

**A.** Tảng đá nằm trên mặt đất.

**B.** Tảng đá được nâng lên khỏi mặt đất.

**C.** Chiếc ô tô chạy trên mặt đất.

**D.** Quyển sách đặt ở dưới đất.

**Câu 40:**Trong nhà máy nhiệt điện, điện năng do dạng năng lượng nào chuyển hóa thành?

**A.** Năng lượng gió **B.** Năng lượng của nhiên liệu bị đốt cháy.

**C.** Năng lượng của nước **D.** Năng lượng của ánh sáng.

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD &ĐT HUYỆN GIA LÂM  **TRƯỜNG THCS NINH HIỆP** | **KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT**  **NĂM HỌC 2020 – 2021**  **Môn thi : VẬT LÍ**  *Thời gian làm bài : 60 phút ( không kể thời gian phát đề)* |

**ĐỀ THI THAM KHẢO**

**Mã đề thi 002**

*( Đề thi có 04 trang)*

Họ tên thí sinh : …………………………………. Số báo danh : ……………………

**Câu 1:** Biểu thức đúng của định luật Om là:

**A.**  **B.**. **C.**. **D.** U = I.R.

**Câu 2:** Hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn giảm bao nhiêu lần thì cường độ dòng điện chạy qua dây dẫn sẽ

**A.** luân phiên tăng giảm. **B.** không thay đổi.

**C.** giảm bấy nhiêu lần. **D.** tăng bấy nhiêu lần.

**Câu 3:**Các công thức sau đây, công thức nào là công thức tính điện trở tương đương của hai điện trở mắc song song?

**A.** R = R1 + R2**. B .** R =. **C.**. **D.**R = .

**Câu 4:**Biến trở là một linh kiện điện tử dùng để

**A.** thay đổi khối lượng riêng dây dẫn trong mạch .

**B.** điều chỉnh cường độ dòng điện trong mạch

**C.** thay đổi vật liệu dây dẫn trong mạch.

**D.** điều chỉnh hiệu điện thế giữa hai đầu mạch .

**Câu 5:** Hệ thức của định luật Jun-Lenxơ trong đó nhiệt lượng Q đo bằng calo là

**A.** Q = 0,24I²Rt**B.** Q = 0,24IR²t **C.** Q = 0,024 I²Rt **D.** Q = I²Rt

**Câu 6:** Hãy chọn phát biểu đúng: Trong đoạn mạch nối tiếp,

**A.** điện trở tương đương nhỏ hơn mỗi điện trở thành phần

**B.** điện trở tương đương bằng tích các điện trở thành phần

**C.** điện trở tương đương bằng mỗi điện trở thành phần

**D.** điện trở tương đương bằng tổng các điện trở thành phần

**Câu 7:**Đặc điểm của hai điện trở mắc nối tiếp trong một mạch điện là:

**A.** Chỉ có một điểm chung.

**B.** Tháo bỏ một điện trở thì mạch vẫn kín.

**C.**Có hai điểm chung.

**D.** Tháo bỏ một điện trở thì điện trở kia vẫn hoạt động.

**Câu 8:** Để xác định sự phụ thuộc của điện trở dây dẫn vào chiều dài, bốn học sinh có nhận xét như sau, hỏi nhận xét nào đúng?

**A.** Dây dẫn càng dài thì điện trở càng lớn.

**B.** Dây dẫn càng dài thì điện trở càng bé.

**C.** Dây dẫn càng dài thì dẫn điện càng tốt.

**D.** Chiều dài dây dẫn không có ảnh hưởng gì đến điện trở của dây.

**Câu 9:** Hai điện trở R1 và R2 mắc nối tiếp vào hiệu điện thế U. Công suất tiêu thụ của đoạn mạch nối tiếp này được tính theo công thức nào sau đây?

**A.** P = . **B.** P = . **C.** P = +. **D.** P = .

**Câu 10:** Trong nồi cơm điện, điện năng được chuyển hóa thành

**A.** nhiệt năng. **B.** cơ năng. **C.** hóa năng. **D.** năng lượng ánh sáng.

**Câu 11:**Hai dây đồng, dài bằng nhau. Bán kính của tiết diện dây 2 gấp đôi bán kính của tiết diện dây 1. Kết luận nào sau đây là đúng?

**A.** R1< R2**B.** R1 = R2**C.** R1 = 4 R2**D.** R2 = 4 R1

**Câu 12:** Trong một đoạn mạch mắc song song gồm hai điện trở R1 và R2 (với R1 > R2) Gọi U1 và U2 là hiệu điện thế ở hai đầu các điện trở R1 và R2. Gọi I1 và I2 là cường độ dòng điện qua R1 và R2. Điều nào sau đây đúng?

**A.** U1> U2.**B.**U1< U2**C.** I1> I2**D.** I1< I2

**Câu 13:** Hai điện trở R1 = 10Ω và R2 = 30Ω mắc nối tiếp vào hiệu điện thế U = 12V. Công suất tiêu thụ của mỗi điện trở sẽ có giá trị nào sau đây?

**A.** P1 = 0,9W ; P2 = 3,6W. **B.** P1 = 3,6W ; P2 = 2,7W.

**C.** P1 = 2,7W ; P2 = 0,9W. **D.** P1 = 0,9W ; P2 = 2,7W.

**Câu 14:** Từ trường không tồn tại ở đâu?

**A.** Xung quanh nam châm. **B.** Xung quanh dòng điện.

**C.** Xung quanh trái đất. **D.** Xung quanh điện tích đứng yên

**Câu 15:** Đường sức từ của các thanh nam châm thẳng là

**A.** các đường cong kín giữa hai đầu của các từ cực.

**B.** các đường thẳng nối giữa các từ cực của các nam châm khác nhau.

**C.** các đường tròn bao quanh đi qua hai đầu của từ cực.

**D.** các đường tròn bao quanh các từ cực của nam châm.

**Câu 16:** Khi sử dụng qui tắc nắm tay phải để xác định chiều của đường sức từ trong ống dây, thì chiều của đường sức từ là chiều

**A.** xuyên vào lòng bàn tay. **B.** từ cổ tay đến ngón tay.

**C.** của ngón tay cái. **D.**của 4 ngón tay.

**Câu 17:** Nếu dây dẫn có phương song song với đường sức từ thì

**A.** lực điện từ có giá trị cực đại so với các phương khác.

**B.** lực điện từ có giá trị bằng 0.

**C.** lực điện từ có giá trị phụ thuộc vào chiều của dòng điện trong dây dẫn.

**D.** lực điện từ có giá trị phụ thuộc vào cường độ của dòng điện trong dây dẫn.

**Câu 18:** Áp dụng qui tắc bàn tay trái để xác định lực điện từ tác dụng lên dây dẫn có dòng điện chạy qua như hình vẽ có chiều

**A.** từ phải sang trái.

**B.** từ trái sang phải.

**C.** từ trên xuống dưới.

**D.** từ dưới lên trên

**Câu 19:**Tương tác giữa hai nam châm

**A.** các từ cực cùng tên thì hút nhau; các cực khác tên thì đẩy nhau.

**B.** các từ cực cùng tên thì đẩy nhau; các cực khác tên thì hút nhau.

**C.** các từ cực cùng tên không hút nhau cũng không đẩy nhau; các cực khác tên thì đẩy nhau.

**D.** các từ cực cùng tên thì hút nhau; các cực khác tên không hút nhau cũng không đẩy nhau.

**Câu 20:**Điều kiện xuất hiện dòng điện cảm ứng trong cuộn dây dẫn kín là

**A.** đặt một nam châm mạnh ở gần cuộn dây.

**B.** số đường sức từ xuyên qua tiết diện S của cuộn dây biến thiên.

**C.**số đường sức từ xuyên qua tiết diện S của cuộn dây lớn.

**D.** đặt một nam châm vĩnh cửu ở trong lòng cuộn dây.

**Câu 21:** Bốn vòng dây dẫn tròn giống nhau, đặt trước bốn nam châm giống hệt nhau (như hình vẽ) trường hợp nào đường sức từ của nam châm xuyên qua vòng dây nhiều nhất.

S nN N

hình.A

S N

Hình B

S N

Hình C

S N

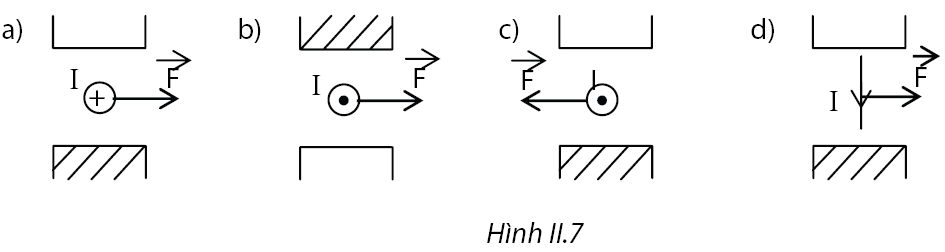
Hình D

**A.** Trường hợp hình A **B.** Trường hợp hình B

**C.** Trường hợp hình C **D.** Trường hợp hình D

**Câu 22:** Cho các hình vẽ a, b, c, d (Hình II.7) biểu diễn lực từ tác dụng lên dòngđiện. Hình vẽ ***không***đúng là

A. hình a. B. hình b. C. hình c. D. hình d.



**Câu 23:** Chọn biểu thức ***không đúng***: Với n1, n2 lần lượt là số vòng dây cuộn sơ cấp và cuộn thứ cấp; U1,U2 là hiệu điện thế giữa hai đầu dây cuộn sơ cấp và thứ cấp của một máy biến thế:

**A.** U1 =  **B.** U1. n1 = U2. n2 **C.** =  **D.** U2 = 

**Câu 24:**Muốn truyền tải một công suất 2kW trên dây dẫn có điện trở 2Ω thì công suất hao phí trên đường dây là bao nhiêu? Cho biết hiệu điện thế trên hai đầu dây dẫn là 200V.

**A.** 200W. **B**. 2000W. **C**. 400W. **D**. 4000W.

**Câu 25:** Khi tăng hiệu điện thế hai đầu dây dẫn trên đường dây truyền tải điện lên gấp đôi thì công suất hao phí trên đường dây sẽ

A. giảm đi một nửa. B. giảm đi bốn lần

C. tăng lên gấp đôi D. tăng lên gấp bốn.

**Câu 26:** Hiện tượng khúc xạ ánh sáng là hiện tượng tia sáng tới khi gặp mặt phân cách giữa hai môi trường

**A.** bị hắt trở lại môi trường cũ.

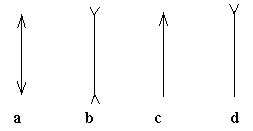
**B.** tiếp tục đi vào môi trường trong suốt thứ hai.

**C.** tiếp tục đi thẳng vào môi trường trong suốt thứ hai.

**D.** bị gãy khúc tại mặt phân cách giữa hai môi trường và tiếp tục đi vào môi trường trong suốt thứ hai.

**Câu 27:** Ký hiệu của thấu kính phân kì là

**A.** hình a. **B.** hình b. **C.** hình c. **D.** hình d.



**Câu 28:**Bộ phận quang học của máy ảnh là:

**A.** Vật kính. **B.** Phim.

**C.** Buồng tối **D.** Bộ phận đo độ sáng

**Câu 29:** Để khắc phục tật mắt lão, ta cần đeo loại kính có tính chất như

**A.** kính phân kì. **B.** kính hội tụ.

**C.** kính mát. **D.** kính râm.

**Câu 30:** Chọn câu trả lời **sai:** Các nguồn phát ánh sáng màu là

**A.** đèn LED.

**B.** đèn ống dùng trong trang trí, quảng cáo.

**C.** đèn đỏ ở các cột tín hiệu giao thông.

**D**. đèn có dây tóc như đèn pha.

**Câu 31:**Số bội giác và tiêu cự ( đo bằng đơn vị xentimet ) của một kính lúp có hệ thức:

**A.** G = 25 –  **B.** G =  **C.** G = 25 + **D.** G = 25.

**Câu 32:**Vật AB đặt trước một thấu kính hội tụ có tiêu cự f. Thấu kính cho ảnh A’B’ là ảnh thật cao bằng vật. Khoảng cách từ AB đến thấu kính là

**A.** 4f **B.** 3f **C.** 2f **D.** f

**Câu 33:** Một thấu kính phân kì có tiêu cự 30cm. Khoảng cách giữa hai tiêu điểm F và F’ là

**A.** 15cm. **B.** 30cm. **C.** 37,5cm. **D.** 60cm.

**Câu 34:** Chọn phát biểu đúng

**A.**Có thể tạo ánh sáng vàng bằng cách chiếu ánh sáng trắng qua một tấm lọc màu vàng.

**B.**Bút Lade khi hoạt động thì phát ra ánh sáng xanh.

**C.**Ánh sáng do đèn pha ôtô phát ra là ánh sáng vàng.

**D.**Bất kỳ nguồn sáng nào cũng phát ra ánh sáng trắng.

**Câu 35:** Trong trường hợp nào dưới đây, chùm sáng trắng **không** bị phân tích thành các chùm sáng có màu khác nhau?

**A.** Cho chùm sáng trắng đi qua một lăng kính.

**B.** Cho chùm sáng trắng phản xạ trên một gương phẳng.

**C.** Cho chùm sáng trắng phản xạ trên mặt ghi của một đĩa CD.

**D.** Cho chùm sáng trắng chiếu vào các váng dầu, mỡ hay bong bóng xà phòng.

**Câu 36:** Tia sáng tới một thấu kính phân kì có phương song với trục chính của kính. Tia sáng ló ra khỏi thấu kính có đường kéo dài cắt trục chính tại vị trí cách quang tâm thấu kính 15 cm. Tiêu cự của thấu kính bằng

**A.** 15 cm **B.**7,5 cm **C.** 60 cm **D.** 30 cm

**Câu 37:** Lần lượt đặt vật AB trước thấu kính phân kì và thấu kính hội tụ; thấu kính phân kì cho ảnh ảo A1B1, thấu kính hội tụ cho ảnh ảo A2B2 thì

**A.** A1B1< A2B2 **B.** A1B1 = A2B2 **C.** A1B1>A2B2 **D.** A1B1 A2B2

**Câu 38:** Khi nói về mắt, câu phát biểu nào sau đây là đúng?

**A.** Không thể quan sát được vật khi đặt vật ở điểm cực viễn của mắt

**B.** Điểm cực cận là điểm gần nhất mà khi đặt vật tại đó mắt không điều tiết vẫn nhìn rõ được

**C.** Điểm cực viễn là điểm xa nhất mà khi đặt vật tại đó mắt điều tiết mạnh nhất mới nhìn rõ

**D.** Khi quan sát vật ở điểm cực cận, mắt phải điều tiết mạnh nhất

**Câu 39:** Những trường hợp nào dưới đây biểu hiện của nhiệt năng?

**A.** Làm cho vật nóng lên. **B.** Phản chiếu được ánh sáng

**C.** Truyền được âm. **D.** Làm cho vật chuyển động

**Câu 40:** Quá trình chuyển hóa năng lượng trong nhà máy điện gió là:

**A.** Năng lượng gió – Cơ năng – Điện năng.

**B.** Năng lượng gió – Nhiệt năng – Cơ năng – Điện năng.

**C.** Năng lượng gió – Hóa năng – Cơ năng – Điện năng.

**D.** Năng lượng gió – Quang năng – Điện năng.

PHÒNG GD & ĐT HUYỆN GIA LÂM

**TRƯỜNG THCS NINH HIỆP**

**ĐÁP ÁN ĐỀ THI THAM KHẢO VÀO LỚP 10 THPT**

**MÔN: VẬT LÝ**

**NĂM HỌC: 2020 – 2021**

**Mỗi câu trắc nghiệm đúng được 0,25 điểm**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Mã đề | 001 | 002 |
| Câu 33 | D | D |
| Câu 34 | A | A |
| Câu 35 | A | B |
| Câu 36 | C | A |
| Câu 37 | D | A |
| Câu 38 | B | D |
| Câu 39 | B | A |
| Câu 40 | B | A |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Mã đề | 001 | 002 |
| Câu 17 | A | B |
| Câu 18 | C | D |
| Câu 19 | D | B |
| Câu 20 | A | B |
| Câu 21 | C | B |
| Câu 22 | D | D |
| Câu 23 | B | B |
| Câu 24 | A | A |
| Câu 25 | D | B |
| Câu 26 | B | D |
| Câu 27 | A | B |
| Câu 28 | B | A |
| Câu 29 | A | B |
| Câu 30 | C | D |
| Câu 31 | C | B |
| Câu 32 | A | A |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Mã đề | 001 | 002 |
| Câu 1 | C | B |
| Câu 2 | A | D |
| Câu 3 | D | C |
| Câu 4 | B | B |
| Câu 5 | A | A |
| Câu 6 | A | D |
| Câu 7 | C | A |
| Câu 8 | B | A |
| Câu 9 | D | D |
| Câu 10 | B | A |
| Câu 11 | A | C |
| Câu 12 | A | C |
| Câu 13 | A | D |
| Câu 14 | B | D |
| Câu 15 | D | A |
| Câu 16 | B | C |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |